

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Thanh Toàn**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông **Phùng Văn Luân**.

- Ông **Nguyễn Thanh Dũ**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Minh Thành**—Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:  
Ông **Lê Trung Hiếu**- Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 101/2021/TLST-HN ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 11 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-5-2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Chị Đoàn Thị Mỹ N và anh Lê Minh Đ chung sống với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17-9-2018. Thời gian đầu chị N và anh Đ chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị N và anh Đ bất đồng quan điểm với nhau, chị và anh Đ đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn

hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị N xin ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đoàn Thảo V, sinh ngày 27-10-2019 hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Đoàn Thảo V, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho cháu V.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

***\*Tại tờ tự khai bị đơn anh Lê Minh Đ trình bày:***

Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đoàn Thị Mỹ N. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đoàn Thảo V, sinh ngày 27-10-2019 hiện nay đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cho chị N trực tiếp nuôi con chung.

- Cấp dưỡng cho con: Anh Đ không cấp dưỡng cho con chung do chị N không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

***\*Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:***

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N ly hôn với anh Đ, giao con chung tên Lê Đoàn Thảo V, sinh ngày 27-10-2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con chung Lê Đoàn Thảo V, nên không đặt ra xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, chị N, anh Đ có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Đ là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị N và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang; anh Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên chị N khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn”.

[3] Xét tình cảm vợ chồng: Thời gian đầu chị N và anh Đ chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do chị N và anh Đ bất đồng quan điểm với nhau, chị và anh Đ đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Nay chị N xin ly hôn, anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị N. Xét việc chị N, anh Đ tự nguyện ly hôn là phù hợp quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N với anh Đ.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đoàn Thảo V, sinh ngày 27/10/2019, hiện nay đang sống chung với chị N. Xét thấy, để ổn định cuộc sống và tâm sinh lý cho cháu V, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu V cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng cho con: Chị N không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng con chung tên Lê Đoàn Thảo V, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về nợ chung: Không có.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước là phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Mỹ N.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Mỹ N với anh Lê Minh Đ.

2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Đoàn Thảo V, sinh ngày 27/10/2019 cho chị Đoàn Thị Mỹ N tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 21042 ngày 13-5-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị N đã thi hành xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị N, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thanh Toàn**